

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 384 /2023/HC-PT

Ngày: 01/6/2023

*V/v: khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải
phóng mặt bằng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử trực tuyến công khai vụ án vụ án hành chính thụ lý số 145/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 140/2022/HC-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5638/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L, sinh năm 1973 (có mặt);

Đều trú tại: Thôn PK, xã VP, thành phố TB, tỉnh TB.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TB.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Văn H - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TB (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố TB, tỉnh TB.

3. Chủ tịch UBND thành phố TB, tỉnh TB.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ1 - Phó chủ tịch UBND thành phố TB (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị L; trú tại: Thôn PK, xã VP, thành phố TB, tỉnh TB.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh TB: Ông Vũ Ngọc Tr (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông bà được chia tiêu chuẩn ruộng gồm 2 khẩu là ông Đ và vợ là bà Trần Thị L, diện tích được cấp khoảng 1284 m² ruộng, đều được chia ở ngoài đồng, không phân định rõ phần nào của ai. Ngày 05/8/2016, UBND thành phố TB ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3 m² đất thuộc địa giới hành chính xã VP và phường PK, thành phố TB. Theo đó, gia đình ông bà bị thu hồi 515 m² tại thửa 248, 305, tờ bản đồ 12, địa chỉ thôn PK, xã VP, thành phố TB, tỉnh TB.

Theo phương án bồi thường của UBND thành phố TB, tại số thứ tự số 186, gia đình ông bà được bồi thường, hỗ trợ 107.677.000 đồng tương đương 69.000.000 đồng/sào, bao gồm trị giá đất và hoa màu trên đất hai lúa. Gia đình ông bà đã được nhận đủ số tiền trên vào khoảng tháng 11/2018, ngoài ra không được nhận số tiền nào khác. Do ông bà tin tưởng cán bộ Đảng viên của thôn xóm và chính quyền địa phương, tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước nên ông bà không có ý kiến gì về giá bồi thường đất nông nghiệp. Tuy nhiên, ông Đ thấy quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố TB thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, cụ thể như sau:

- Thứ nhất, theo Thông báo số 221/TB - PTQĐ ngày 02/12/2016 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố TB, người khởi kiện được biết UBND thành phố TB sử dụng đất thu hồi của hộ gia đình ông vào mục đích phát triển kinh tế xã hội, gia đình ông đã bàn giao ruộng canh tác cho UBND thành phố TB. Nhưng sau đó, ông nhận thấy UBND thành phố TB lại giao cho Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (sau đây gọi là công ty Thăng Long) thực hiện dự án với tên gọi Khu đô thị mới, xã VP, thành phố TB, trong khi tại danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh TB (ban hành kèm theo công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ TN&MT về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh TB) dự án tại xã VP, thành phố TB là dự án “Khu đô thị, thương mại dịch vụ”. Quá trình thực hiện, Công ty Thăng Long thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013, dự án mà Công ty Thăng Long thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai 2013. Vì vậy, UBND thành phố TB không có thẩm quyền thu hồi đất của gia đình ông, đồng nghĩa với các quyết định UBND thành phố ban hành là trái pháp luật.

- Thứ hai, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức

giá khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành thì được bồi thường cao. 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175 triệu đồng/sào. Hộ gia đình ông và các hộ gia đình khác đã có ý kiến với UBND xã và chính quyền thôn nhưng UBND xã và cán bộ thôn ép gia đình ông buộc phải nhận số tiền bồi thường.

Do đó, ngày 13/12/2019 và ngày 28/5/2020, ông Đ cùng các đại diện cho các hộ dân có đất bị thu hồi đã có đơn khiếu nại Quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án “Khu đô thị mới xã VP” của UBND thành phố TB, cụ thể: Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là phương án BT, HT, GPMB) dự án Xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB (sau đây gọi là Quyết định 13577/QĐ-UBND); Quyết định 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND thành phố TB v/v phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án; Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố TB v/v phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án; Quyết định 2282/QĐ-UBND ngày 13/7/2019 của UBND thành phố TB v/v phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án: Xây dựng khu đô thị mới xã VP, thành phố TB.

Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ra Quyết định số 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu bác toàn bộ nội dung khiếu nại, giữ nguyên các Quyết định số 13577/QĐ-UBND; Quyết định 1185/QĐ-UBND và Quyết định 2282/QĐ-UBND. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh TB ra Quyết định số 520/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã VP, thành phố TB v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố TB. Việc giữ nguyên các quyết định giải quyết khiếu nại gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người khởi kiện. Dự án thực hiện là dự án tư nhân, có mục đích thương mại, kinh tế nhưng UBND thành phố TB thu hồi đất và bồi thường đất theo giá Nhà nước, không có bất kỳ sự thỏa thuận nào giữa người dân và chủ dự án là không đúng quy định của pháp luật đất đai và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Vì vậy, ông Hoàng Văn Đ khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB.

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB, tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần 1);

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ông Hoàng Văn Đ không có ý kiến gì về các quyết định thu hồi đất nhưng việc đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không công bằng nên ông Đ phải đòi hỏi

quyền lợi, yêu cầu UBND thành phố TB nâng mức bồi thường cho hộ gia đình ông là 175.000.000đ/sào.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố TB, UBND thành phố TB trình bày:*

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB: Dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB đã được UBND tỉnh TB phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh TB có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh TB có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh TB v/v ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư, UBND thành phố TB đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án (trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ) là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố TB đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất; UBND thành phố TB đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã VP, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố TB đã lập phương án BT, HT, GPMB phối hợp với UBND xã VP, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố TB đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án BT, HT, GPMB (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ). Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố TB đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã VP lập phương án BT, HT, GPMB đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá BT, HT và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày

07/5/2015 của UBND tỉnh TB. Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TB, UBND thành phố đã phê duyệt phương án BT, HT, GPMB cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ) là đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh TB, đảm bảo thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố TB đã phối hợp với UBND xã VP thông báo và tổ chức chi trả tiền BT, HT cho các hộ dân theo đúng phương án được phê duyệt. Như vậy, việc người khởi kiện cho rằng phương án BT, HT, GPMB của dự án khu dân cư mới xã VP không công bằng là không có cơ sở.

3. Về việc thay đổi tên dự án: Tại số thứ tự 154, danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh TB ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích trồng lúa trên địa bàn tỉnh TB (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại văn bản số 1489/TTg-KNT ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã VP, thành phố TB tổng diện tích 31 ha, trong đó đất trồng lúa 25,7 ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND TB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư VP, thành phố TB dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31 ha. Về thực chất Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã VP, thành phố TB hay khu dân cư VP, thành phố TB đều là một dự án khu dân cư mới xã VP, vì dự án cùng một vị trí, địa điểm, diện tích. Tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận là Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh TB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư VP, thành phố TB.

4. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố TB: Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố TB, bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã VP (trong đó có hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ) khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB. Ngày 03/7/2020, UBND thành phố TB có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị Tươi cùng một số công dân thôn PK và thôn Phúc Thượng, xã VP. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố TB giải quyết khiếu nại. Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi và một số công dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã VP. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố TB (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị Tươi và một số

công dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã VP; trong đó: kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB.

Việc giải quyết khiếu nại nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố TB và UBND thành phố TB khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT, GPMB và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TB xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh TB trình bày:*

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND tỉnh TB thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh TB thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung giải quyết khiếu nại (lần hai): Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã VP, thành phố TB đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh TB thấy: Việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã VP, thành phố TB, tỉnh TB của Chủ tịch UBND thành phố TB bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ và các hộ gia đình có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên đã

quyết định giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có cơ sở. Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

*** Tại bản án hành chính sơ thẩm số 140/2022/HC-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TB, quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ về việc hủy các quyết định sau: Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB, tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần 1); Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2022, người khởi kiện kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện cho rằng cùng là bồi thường nhưng có nhiều mức giá khác nhau, gia đình người khởi kiện được bồi thường 69.000.000 đ/sào, nhưng nhiều gia đình khác lại được bồi thường 80.000.000đ/sào, 120.000.000đ/sào, 165.000.000đ/sào; do đó, yêu cầu phải công bằng, bồi thường cho gia đình bà phải được nâng lên cho công bằng và đây là dự án của nhà đầu tư xây dựng chung cư để bán chứ không phải của Nhà nước đầu tư về lĩnh vực an sinh xã hội nên theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư phải thỏa thuận với gia đình bà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến đánh giá việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm là đúng; kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và các đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Người khởi kiện vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền; người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt những người này theo quy định pháp luật.

Ông Hoàng Văn Đ khiếu kiện Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của UBND thành phố TB và khiếu kiện các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố TB, Chủ tịch UBND tỉnh TB nên Tòa án nhân dân tỉnh TB thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh TB ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với khiếu nại của bà Hoàng Thị Tươi cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn Phúc Thượng, xã VP (trong đó có ông Hoàng Văn Đ). Ngày 11/5/2021, ông Đ nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh TB là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB:

Về thẩm quyền: Tài liệu do người bị kiện cung cấp đã cho thấy, Dự án khu dân cư xã VP, thành phố TB được UBND tỉnh TB phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh TB có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh TB có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã VP thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã VP và đất của hộ gia đình cá nhân, UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND thành phố quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố TB ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Đ và Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng thẩm quyền

quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố TB đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, UBND thành phố TB, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố TB đã phối hợp với UBND xã VP ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố thẩm định. Ngày 01/12/2016 UBND thành phố TB đã ban hành Quyết định số 13361/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ bị thu hồi 515,5 m² đất (loại đất LUC) tại thửa 248 và thửa 305 tờ bản đồ số 12 thuộc địa giới hành chính xã VP, thành phố TB. Hộ gia đình ông Đ không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất. Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố TB đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án. Theo phương án BT, HT, GPMB kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 thì hộ ông Hoàng Văn Đ theo số thứ tự số 244, bị thu hồi 515 m² và được BT, HT với tổng số tiền là 107.677.000 đồng, bao gồm cả bồi thường về đất và tài sản, hoa màu trên đất. Giá BT, HT phù hợp với quy định của Điều 77; điểm a, b khoản 2 Điều 83; Điều 84; Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh TB ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh TB; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh TB về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh TB năm 2016; Điều 14, Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh TB, ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh TB; khoản 7 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh TB; Công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh TB về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng và Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh TB. Sau khi phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố TB phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới các hộ gia đình, cá nhân. Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB của UBND thành phố TB, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã VP tổ chức thực hiện việc chi trả tiền BT, HT, GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Theo thứ tự số 186, hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ đã nhận đủ 107.677.000 đồng, thể hiện tại “Biên bản v/v chi trả tiền BT, HT và bàn giao mặt bằng dự án Xây dựng Khu dân cư mới tại xã VP, thành phố TB”, do bà Trần Thị L đã ký biên bản. Như vậy, UBND thành phố TB đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đ theo đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về BT, HT, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, công văn của UBND tỉnh TB như đã phân

tích nêu trên. Đối với việc người khởi kiện cho rằng trường hợp này người khởi kiện được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì: Dự án khu dân cư mới xã VP là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố TB thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh TB chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã VP). Đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 như trình bày của người khởi kiện. Người khởi kiện còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng, nhưng ông Đ không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố TB áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như người khởi kiện trình bày. Việc BT, HT đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Việc có cùng một diện tích ruộng nhưng có gia đình được nhận khoản tiền cao hơn, có gia đình được nhận khoản tiền thấp hơn là do số lượng nhân khẩu trong các hộ là khác nhau, việc chuyển đổi nghề nghiệp hỗ trợ việc làm cho các cá nhân trong các hộ là khác nhau nên có sự khác nhau về số tiền được nhận, còn giá đất các hộ được bồi thường là thống nhất như nhau theo quyết định của UBND tỉnh quy định.

[2.2]. Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định số 3272 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố TB:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: Để giải quyết khiếu nại của hộ ông Đ do bà Hoàng Thị Tươi và một số công dân xã VP đại diện; Chủ tịch UBND thành phố TB đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của ông Đ. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có ông Đ) là hợp pháp và có căn cứ như đã phân tích tại phần trên.

[2.3]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520 về việc giải

quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh TB:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh TB đã thụ lý khiếu nại (lần hai) của ông Hoàng Văn Đ, đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TB tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh TB đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù người khởi kiện có kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao công bố tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do không được chấp nhận kháng cáo nên người khởi kiện phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên; căn cứ Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ (bà Trần Thị L đại diện theo ủy quyền). Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2022/HC-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TB.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng Văn Đ phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005504 ngày 20/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh TB.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Hồng Sơn

